

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ

DANH SÁCH HỒ SƠ TUYỂN SINH TRỰC TUYẾN

Trường: Tiểu học Ngọc Thụy

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc (Giấy KS)	Ngày sinh	Ghi chú
1	Đỗ Hải An	Nam	Kinh	28/01/2019	
2	Hoàng Nguyễn Phương An	Nữ	Kinh	17/10/2019	
3	Lê Tuệ An	Nữ	Kinh	16/11/2019	
4	Ngô Phúc An	Nam	Kinh	29/01/2019	
5	Nguyễn Ngọc Bảo An	Nữ	Kinh	11/12/2019	
6	Nguyễn Tuệ An	Nữ	Kinh	04/01/2019	
7	Phạm Duy An	Nam	Kinh	05/01/2019	
8	Quán Thành An	Nam	Kinh	17/09/2019	
9	Trần Gia An	Nữ	Kinh	16/05/2019	
10	Vũ Khải An	Nam	Kinh	14/07/2019	
11	ĐẶNG MINH ANH	Nữ	Kinh	08/02/2019	
12	Lê Đình Phan Anh	Nam	Kinh	11/03/2019	
13	Lê Quốc Anh	Nam	Kinh	16/09/2019	
14	Lê Quỳnh Anh	Nữ	Kinh	20/04/2019	
15	Mạc Duy Anh	Nam	Kinh	23/06/2019	
16	Nguyễn Đỗ Nhật Anh	Nam	Kinh	21/06/2019	
17	Nguyễn Đức Anh	Nam	Kinh	13/12/2019	
18	Nguyễn Mỹ Anh	Nữ	Kinh	22/10/2019	
19	Nguyễn Ngọc Diệu Anh	Nữ	Kinh	05/11/2019	
20	Nguyễn Ngọc Linh Anh	Nữ	Kinh	02/09/2019	
21	Nguyễn Phương Anh	Nữ	Kinh	31/01/2019	

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc (Giấy KS)	Ngày sinh	Ghi chú
22	Nguyễn Thục Anh	Nữ	Kinh	11/01/2019	
23	NGUYỄN THỤY PHÚC ANH	Nữ	Kinh	21/10/2019	
24	Nguyễn Trâm Anh	Nữ	Kinh	24/08/2019	
25	Nguyễn Trâm Anh	Nữ	Kinh	05/03/2019	
26	Phạm Ngọc Tú Anh	Nữ	Kinh	20/02/2019	
27	Trần Phương Tuệ Anh	Nữ	Kinh	14/09/2019	
28	Trần Quang Anh	Nam	Kinh	02/12/2019	
29	Trần Tuấn Anh	Nam	Kinh	14/05/2019	
30	Trương Minh Anh	Nữ	Kinh	25/09/2019	
31	Hoàng Gia Bách	Nam	Kinh	29/03/2019	
32	Nguyễn Hoàng Bách	Nam	Kinh	06/10/2019	
33	Nguyễn Việt Bách	Nam	Kinh	09/05/2019	
34	Đinh Đức Bảo	Nam	Kinh	05/06/2019	
35	Nguyễn Phương Thiên Bảo	Nam	Kinh	06/10/2019	
36	Phạm Quang Bảo	Nam	Kinh	19/08/2019	
37	Lê Minh Châu	Nữ	Kinh	10/01/2019	
38	Nguyễn Minh Châu	Nữ	Kinh	30/05/2019	
39	Bùi Quỳnh Chi	Nữ	Kinh	26/10/2019	
40	Đặng Ánh Chi	Nữ	Kinh	10/02/2019	
41	Đỗ Mai Chi	Nữ	Kinh	28/04/2019	
42	Ngô Phương Chi	Nữ	Kinh	03/10/2019	
43	Nguyễn Bảo Chi	Nữ	Kinh	05/08/2019	
44	Nguyễn Diệp Chi	Nữ	Kinh	14/10/2019	
45	Nguyễn Hoàng Linh Chi	Nữ	Kinh	23/07/2019	
46	Phạm Khánh Chi	Nữ	Kinh	22/04/2019	
47	Phạm Quỳnh Chi	Nữ	Kinh	28/08/2019	

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc (Giấy KS)	Ngày sinh	Ghi chú
48	Trương Nhã Chi	Nữ	Kinh	13/11/2019	
49	Đào Linh Đan	Nữ	Kinh	15/09/2019	
50	Lê Nhật Đăng	Nam	Kinh	17/10/2019	
51	Nguyễn Hải Đăng	Nam	Kinh	05/08/2019	
52	Hoàng Ngọc Diệp	Nữ	Kinh	25/04/2019	
53	Đặng Hiền Đức	Nữ	Kinh	02/08/2019	
54	Lê Minh Đức	Nam	Kinh	05/11/2019	
55	Mai Văn Đức	Nam	Kinh	29/01/2019	
56	Nguyễn Minh Đức	Nam	Kinh	02/06/2019	
57	Lại Minh Đức.	Nam	Kinh	23/03/2019	
58	Phù Ánh Dương	Nữ	Kinh	24/06/2019	
59	Vũ Hoàng Ánh Dương	Nữ	Kinh	28/11/2019	
60	Nguyễn Đình Đức Duy	Nam	Kinh	11/04/2019	
61	Vũ Trường Giang	Nam	Kinh	03/10/2019	
62	Nguyễn Trần Thu Hà	Nữ	Kinh	10/12/2019	
63	Đặng Chu Hải	Nam	Kinh	03/12/2019	
64	Đào Quang Hải	Nam	Kinh	16/09/2019	
65	Nguyễn Trung Hải	Nam	Kinh	19/08/2019	
66	Nguyễn Gia Hân	Nữ	Kinh	09/02/2019	
67	Nguyễn Gia Hân	Nữ	Kinh	06/06/2019	
68	Phạm Trúc Hân	Nữ	Kinh	02/09/2019	
69	Vũ Bảo Hân	Nữ	Kinh	15/11/2019	
70	Nguyễn Minh Hạnh	Nữ	Kinh	17/03/2019	
71	Nguyễn Như Đức Hiếu	Nam	Kinh	08/08/2019	
72	Hà Quỳnh Hoa	Nữ	Kinh	04/11/2019	
73	Phạm Gia Hưng	Nam	Kinh	12/03/2019	

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc (Giấy KS)	Ngày sinh	Ghi chú
74	Đỗ Quỳnh Hương	Nữ	Kinh	20/04/2019	
75	Nguyễn Minh Huy	Nam	Kinh	26/07/2019	
76	Nguyễn Văn Huy	Nam	Kinh	25/02/2019	
77	Tổng Minh Huy	Nam	Kinh	10/04/2019	
78	Phạm Chí Khải	Nam	Kinh	21/01/2019	
79	BÙI MINH KHANG	Nam	Kinh	06/05/2019	
80	Đỗ Hoàng Minh Khang	Nam	Kinh	18/10/2019	
81	Nguyễn Như Minh Khang	Nam	Kinh	01/09/2019	
82	Đào Văn Gia Khánh	Nam	Kinh	26/06/2019	
83	Đỗ Duy Khánh	Nam	Kinh	13/10/2019	
84	Dương Anh Khoa	Nam	Kinh	17/12/2019	
85	Lê Đăng Khoa	Nam	Kinh	08/02/2019	
86	Ngô Đăng Khoa	Nam	Kinh	23/11/2019	
87	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	Kinh	20/08/2019	
88	Nguyễn Thế Khoa	Nam	Kinh	27/10/2019	
89	Hoàng Đức Khôi	Nam	Kinh	27/04/2019	
90	Hoàng Nguyên Khôi	Nam	Kinh	29/03/2019	
91	Nguyễn Minh Khôi	Nam	Kinh	22/08/2019	
92	Nguyễn Minh Khôi	Nam	Kinh	09/10/2019	
93	Nguyễn Tuấn Khôi	Nam	Kinh	03/03/2019	
94	Phạm Minh Khôi	Nam	Kinh	20/09/2019	
95	Quan Minh Khôi	Nam	Kinh	30/01/2019	
96	Nguyễn Minh Khuê	Nữ	Kinh	29/03/2019	
97	Vũ Minh Khuê	Nữ	Kinh	19/11/2019	
98	Vương Lan Khuê	Nữ	Kinh	21/10/2019	
99	Lại Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	15/02/2019	

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc (Giấy KS)	Ngày sinh	Ghi chú
100	Bùi Bích Lam	Nữ	Kinh	04/11/2019	
101	Nguyễn Phúc Lâm	Nam	Kinh	23/04/2019	
102	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	Kinh	22/04/2019	
103	Phan Tùng Lâm	Nam	Kinh	24/03/2019	
104	Trần Quang Lâm	Nam	Kinh	25/04/2019	
105	Đỗ Hạ Linh	Nữ	Tày	09/01/2019	
106	Lê Ngọc Bảo Linh	Nữ	Kinh	05/03/2019	
107	Nguyễn Phương Linh	Nữ	Kinh	06/08/2019	
108	Nguyễn Tú Linh	Nữ	Kinh	05/04/2019	
109	Phan Nhã Linh	Nữ	Kinh	02/05/2019	
110	Vũ Tuệ Linh	Nữ	Kinh	15/09/2019	
111	Nguyễn Bảo Long	Nam	Kinh	11/01/2019	
112	Nguyễn Quỳnh Mai	Nữ	Kinh	14/05/2019	
113	Đặng Phúc Minh	Nam	Kinh	28/05/2019	
114	ĐỖ NHẬT MINH	Nam	Kinh	04/10/2019	
115	Hoàng Nhật Minh	Nam	Kinh	20/05/2019	
116	Kiều Nhật Minh	Nam	Kinh	06/02/2019	
117	Lê Nguyễn Hiếu Minh	Nam	Kinh	17/01/2019	
118	Nguyễn Gia Minh	Nam	Kinh	05/03/2019	
119	Nguyễn Hiếu Minh	Nam	Kinh	16/12/2019	
120	Phạm Bình Minh	Nam	Kinh	02/12/2019	
121	Phan Nhật Minh.	Nam	Kinh	14/02/2019	
122	Nguyễn Đỗ Thảo My	Nữ	Kinh	15/12/2019	
123	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	Kinh	21/12/2019	
124	Nguyễn Xuân Khôi Nam	Nam	Kinh	23/03/2019	
125	Nguyễn Thanh Nga	Nữ	Kinh	16/02/2019	

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc (Giấy KS)	Ngày sinh	Ghi chú
126	Lê Khánh Ngân	Nữ	Kinh	07/01/2019	
127	Nguyễn Lê Phương Ngân	Nữ	Kinh	25/04/2019	
128	Nguyễn Như Hoàng Ngân	Nữ	Kinh	30/12/2019	
129	Phạm Khánh Ngân.	Nữ	Kinh	03/04/2019	
130	Lê Bảo Ngọc	Nữ	Kinh	12/12/2019	
131	Phạm Ánh Ngọc	Nữ	Kinh	24/10/2019	
132	Lê Trung Nguyên	Nam	Kinh	27/09/2019	
133	Nguyễn Hà Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	14/07/2019	
134	Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	02/09/2019	
135	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	Kinh	11/02/2019	
136	Đỗ Trọng Nhân	Nam	Kinh	22/07/2019	
137	Lê Bảo Nhi	Nữ	Kinh	07/01/2019	
138	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	Kinh	01/07/2019	
139	Vũ Tâm Như	Nữ	Kinh	15/12/2019	
140	Hoàng Tấn Phát	Nam	Tày	11/03/2019	
141	Nguyễn Duy Phong	Nam	Kinh	19/10/2019	
142	Tạ Đình Phong	Nam	Kinh	14/03/2019	
143	Đỗ Minh Phúc	Nam	Kinh	21/06/2019	
144	Lê Trần Gia Phúc	Nam	Kinh	21/05/2019	
145	Nguyễn Đức Phúc	Nam	Kinh	04/08/2019	
146	Nguyễn Trần Minh Phúc	Nam	Kinh	20/12/2019	
147	Nguyễn Trọng Phúc	Nam	Kinh	02/08/2019	
148	Nguyễn Hà Phương	Nữ	Kinh	11/09/2019	
149	Trần Nga Hà Phương	Nữ	Kinh	26/09/2019	
150	Đào Minh Quân	Nam	Kinh	03/01/2019	
151	Lê Trung Quân	Nam	Kinh	07/06/2019	

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc (Giấy KS)	Ngày sinh	Ghi chú
152	Ngô Thế Quân	Nam	Kinh	15/09/2019	
153	Nguyễn Hoàng Anh Quân	Nam	Kinh	21/02/2019	
154	Tăng Nhật Quân	Nam	Kinh	19/12/2019	
155	Lê Tùng Quang	Nam	Kinh	01/06/2019	
156	Phạm Đăng Quang	Nam	Kinh	04/09/2019	
157	Trần Bảo Quốc	Nam	Kinh	27/09/2019	
158	Trần Vy Tố Quyên	Nữ	Kinh	21/10/2019	
159	Lê Tuấn Thanh	Nam	Kinh	26/08/2019	
160	Lê Phú Thành	Nam	Kinh	25/05/2019	
161	Hoàng Phương Thảo	Nữ	Kinh	25/04/2019	
162	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	Kinh	30/11/2019	
163	Lê Đức Thịnh	Nam	Kinh	07/08/2019	
164	Nguyễn Kiều Mai Thu	Nữ	Kinh	17/02/2019	
165	Đinh Ngọc Minh Thư	Nữ	Kinh	08/11/2019	
166	Đỗ Anh Thư	Nữ	Kinh	05/12/2019	
167	Lê Phạm Anh Thư	Nữ	Kinh	17/08/2019	
168	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	Kinh	13/02/2019	
169	Nguyễn Trần Anh Thư	Nữ	Kinh	21/08/2019	
170	Phan Nguyễn Anh Thư	Nữ	Kinh	14/08/2019	
171	Trần Huyền Thương	Nữ	Kinh	06/04/2019	
172	Phạm Minh Tiến	Nam	Kinh	02/08/2019	
173	Nguyễn Hạ Trâm	Nữ	Kinh	13/11/2019	
174	Trương Minh Trang	Nữ	Kinh	12/04/2019	
175	Phạm Đức Trí	Nam	Kinh	11/02/2019	
176	Cao Thanh Trúc	Nữ	Kinh	03/07/2019	
177	Nguyễn Văn Anh Tú	Nam	Kinh	26/10/2019	

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc (Giấy KS)	Ngày sinh	Ghi chú
178	Bùi Minh Tuệ	Nữ	Kinh	14/11/2019	
179	Lê Đăng Tùng	Nam	Kinh	19/05/2018	
180	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	Kinh	14/10/2019	
181	NGUYỄN NHÃ UYÊN	Nữ	Kinh	23/01/2019	
182	Hoàng Bảo Vy	Nữ	Kinh	22/05/2019	
183	LÊ CÁT TƯỜNG VY	Nữ	Kinh	28/07/2019	
184	Nguyễn Cát Tường Vy	Nữ	Kinh	15/07/2019	
185	Vũ Khánh Vy	Nữ	Kinh	10/10/2019	
186	Vũ Tường Vy	Nữ	Kinh	15/01/2019	

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương